| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ**<br>**TỈNH QUẢNG NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29/8/2023
*"V/v tranh chấp ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ, TỈNH QUẢNG NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nông Thúy Chính.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng.
Ông Phạm Văn Khởi.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Trung Hiếu** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 31/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phạm Thị T, sinh năm 1985.
Nơi cư trú: thôn A, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn: anh Nguyễn Đức B, sinh năm 1984.
Nơi cư trú: thôn A, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: chị và anh Nguyễn Đức B đăng ký kết hôn ngày 21/4/2006 tại UBND xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, chị và anh B chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị T và anh Nguyễn Đức B đã ly thân từ cuối năm 2012 đến nay. Những mâu thuẫn trên đã thật sự sâu sắc, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức B.

Về con chung: quá trình chung sống, chị và anh Nguyễn Đức B có 01 con chung là Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 05/10/2006. Nay ly hôn, đề nghị Tòa án giao con chung là Nguyễn Thị Thùy L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm

sóc, giáo dục kể từ tháng 8 năm 2023 đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Đức B không phải cấp dưỡng nuôi dưỡng và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đức B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị xin chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa… cho bị đơn là anh Nguyễn Đức B. Nhưng anh B vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Do đó, trong quá trình giải quyết vụ án không có quan điểm của anh Nguyễn Đức B đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T cũng như quan điểm về việc nuôi con chung, giải quyết tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Ngày 19/7/2023, Tòa án nhân dân huyện Hải Hà đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đức B. Qua xác minh, đại diện chính quyền địa phương cho biết: chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đức B đăng ký kết hôn ngày 21/4/2006 tại UBND xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, chị T và anh B chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đức B đã ly thân từ cuối năm 2012 đến nay. Những mâu thuẫn trên đã thật sự sâu sắc, cuộc sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đức B có 01 con chung là Nguyễn Thị Thùy Linh, sinh ngày 05/10/2006. Kể từ khi chị T và anh B ly thân, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Thùy Linh.

Ngày 19/7/2023, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Nguyễn Thị Thùy Linh. Kết quả được biết, chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đức B đã ly thân từ năm 2012, hiện tại đã không còn ở với nhau nữa. Nếu chị T và anh B ly hôn, cháu Linh muốn được ở với mẹ là chị Phạm Thị T vì từ khi bố mẹ cháu ly thân cháu đã ở với mẹ, được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ngày 10/7/2023, Tòa án đã lấy lời khai của ông Nguyễn Đức N là bố anh Nguyễn Đức B được biết: anh B và chị Phạm Thị T đã không còn chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay. Kể từ khi anh B và chị T ly thân, anh B về chung sống cùng ông tại thôn A xã Q và thường đi làm ăn ở thành phố M nhưng vẫn về, vẫn liên lạc với gia đình và chính quyền địa phương. Đối với các văn bản tố tụng mà Tòa án tống đạt cho anh Nguyễn Đức B, ông sẽ nhận thay và cam kết sẽ giao lại cho anh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố

tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do chính đáng. Về nội dung: đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T. Về tình cảm: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh Nguyễn Đức B. Về con chung: giao con chung là Nguyễn Thị Thùy L cho chị Phạm Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Anh Nguyễn Đức B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung. Về tài sản chung và nợ chung: chị Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Nguyên đơn, chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh Nguyễn Đức B đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã Q, huyện H, do đó căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

Chị Phạm Thị T có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Đức B theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quá trình tiến hành tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa… cho bị đơn là anh Nguyễn Đức B. Nhưng anh B vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Việc Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh B, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, nội dung bản tự khai của chị Phạm Thị Thái, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: ngày 21/4/2006, anh Nguyễn Đức B và chị Phạm Thị Thái tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đức B phát sinh do bất đồng quan điểm sống. Vợ, chồng sống mỗi người một nơi và ly thân từ cuối năm 2012 đến nay. Cả hai vợ chồng không có biện pháp khắc phục, dẫn đến mâu

thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài. Từ cuối năm 2012 đến nay, cuộc sống vợ chồng thực tế không diễn ra, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh Nguyễn Đức B vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án cho thấy anh B cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh B là phù hợp với thực trạng quan hệ hôn nhân của anh, chị; phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đức B có 01 con chung là Nguyễn Thị Thùy Linh, sinh ngày 05/10/2006. Kể từ khi chị T và anh B ly thân (từ cuối năm 2012) đến nay thì cháu Linh ở với mẹ là chị T. Nguyện vọng của cháu Linh muốn được ở với mẹ. Chị T khởi kiện, đề nghị Tòa án giao cháu Linh cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Căn cứ vào nguyện vọng, giới tính của cháu Nguyễn Thị Thùy Linh, thực tế quá trình nuôi dưỡng con chung của chị T và anh B từ khi anh chị ly thân và điều kiện, hoàn cảnh của chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đức B, Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu Linh là con gái, việc chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu sẽ đảm bảo cho cháu phát triển toàn diện. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung là Nguyễn Thị Thùy L cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không yêu cầu giải quyết, anh B không có quan điểm, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: theo nội dung chị Phạm Thị T trình bày chị và anh Nguyễn Đức B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh Nguyễn Đức B vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có quan điểm, yêu cầu về tài sản chung và nợ chung vợ chồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên:***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Phạm Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đức B.

2. Về con chung: giao con chung là Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 05/10/2006 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 08/2023 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Đức B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được phép cản trở.

3 Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0013650 ngày 06 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh. Chị Phạm Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đức B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Hải Hà;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Chi cục THADS huyện Hải Hà;*
- *UBND xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu VP; hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nông Thúy Chính**

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*